

Số: *1821* /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày *21* tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
chăn nuôi, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, CN. (10)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1821/QĐ-BNN-CN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	BNN-288254	Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
2	BNN-288256	Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
3	BNN-288259	Thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
4	BNN-288261	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Trong nội dung, phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung)

Thủ tục hành chính cấp Trung ương

Lĩnh vực: Chăn nuôi, Thủy sản

1. Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc tiến hành soát xét, phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm và ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm. Trường hợp không ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Đề cương khảo nghiệm;

- Bản thuyết minh điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 35 ngày làm việc.

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký khảo nghiệm.

- Thẩm định hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tiến hành soát xét, phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm: Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.



1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định phê duyệt nội dung khảo nghiệm: Không.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

- Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn trên từng đối tượng nuôi.

Đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản phải có đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản.

+ Người phụ trách kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y, công nghệ sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản).

(Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản; khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Mẫu số 01

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:; Fax:; Email:

Cơ sở thực hiện khảo nghiệm (tên cơ sở, địa chỉ):

Doanh nghiệp đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Thời gian khảo nghiệm	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Xuất xứ sản phẩm
1						
2						
3						
...						

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

2. Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả trường hợp đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành trở lại tại Việt Nam đối với trường hợp đã có thông báo ngừng lưu hành sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại) gửi hồ sơ (*trừ trường hợp thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, đặc*) về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành văn bản xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

- Bản sao thông báo tiếp nhận công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản gia công tại cơ sở đã công bố hợp quy về điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

- Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ sau: Tiêu chuẩn công bố áp dụng, thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới (nếu có).

- Bản chính hoặc bản sao phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và an toàn của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng được cấp bởi các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định hoặc thừa nhận. Trong trường hợp chỉ tiêu chất lượng, an toàn của sản phẩm chưa có phòng thử nghiệm được chỉ định, thừa nhận, thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định tạm thời đơn vị thực hiện thử nghiệm phù hợp.

- Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: 05 năm.

2.8. Phí, lệ phí:

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.

- Đối với thức ăn thủy sản:

+ Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam: 50.000 đồng/lần.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (đăng ký mới): 1.050.000 đồng/lần/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có).

- Mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có một tiêu chuẩn chất lượng được công bố chỉ được đặt 01 tên thương mại tương ứng.

- Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Sau khi có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nếu tổ chức, cá nhân

có thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới có nhu cầu lưu hành tại Việt Nam thì phải tiến hành thực hiện các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP và được phép sử dụng các kết quả thử nghiệm trong hồ sơ công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới cho hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- *Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.*

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.



Mẫu số 04

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN SẢN XUẤT
TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân): **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy
1						
2						
3						
...						

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

3. Thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ (*trừ trường hợp thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, đậm đặc*) về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản ban hành văn bản xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Bản sao chụp tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có); mẫu nhãn sản phẩm có xác nhận của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy xác nhận nội dung thay đổi của nhà sản xuất (đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu);

- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong trường hợp đổi tên cơ sở sản xuất, tên thương mại thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu).

- *Đối với thức ăn thủy sản, trường hợp thay đổi hoặc bổ sung thông tin nhà nhập khẩu, trước khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân phải thông báo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những thông tin thay đổi kèm theo hợp đồng mua bán hoặc tài liệu (của nhà sản xuất) chứng minh quyền phân phối sản phẩm tại Việt Nam.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.
- Cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: Không.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.
- Đối với thức ăn thủy sản:
 - + Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam: 50.000 đồng/lần.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (thay đổi thông tin doanh nghiệp/sản phẩm): 350.000 đồng/lần/cơ sở/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chỉ được thay đổi các thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam nếu không làm thay đổi chất lượng sản phẩm.

(Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- *Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.*

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Mẫu số 08

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN
CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN
CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị được xác nhận thay đổi thông tin đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam sau đây:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

TT	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

2. Đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

4. Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho phép nhập khẩu. Trong trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Hợp đồng sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhằm mục đích xuất khẩu phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về việc nhập hàng hóa để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: Không.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

4.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Địa điểm sản xuất, gia công phải nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải, hóa chất độc hại; nơi sản xuất phải ngăn cách với các khu vực khác.

- Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị:

+ Khu vực sản xuất được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự tách biệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

+ Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản; có kệ (pallet) để nguyên liệu và sản phẩm thành phẩm (trừ trường hợp nền kho, xưởng đã có giải pháp kỹ thuật đảm bảo thông thoáng, chống ẩm).

+ Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có biện pháp, quy trình kiểm soát sản xuất, gia công để tránh phát tán gây nhiễm chéo kháng sinh.

+ Có thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng.

+ Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ để kiểm soát cát sạn, kim loại.

+ Có giải pháp phòng, chống chuột, chim, động vật gây hại khác; có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải.

- Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi – thú y, thú y, công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học, công nghệ thực phẩm (đối với thức ăn thủy sản).

- Có hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình sản xuất, gia công.

(Điều 7 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp).

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Mẫu số 13

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH XUẤT KHẨU
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH XUẤT KHẨU

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1					
2					
3					
...					

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Thời gian xuất:

5. Cửa khẩu xuất:

6. Nước nhập khẩu:.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.